TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **266**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 12 – 2023
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nhi.

2. Ông Huỳnh Hoàng Khởi.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Đình Chưởng, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 558/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023, về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 302/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Phan Kim T, sinh năm: 1979 (Có mặt).
Nơi cư trú: Số 125B, ấp 1, xã Tắc V, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Phạm Quốc K, sinh năm: 1977 (Có mặt).
Nơi cư trú: Số 125B, ấp 1, xã Tắc V, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa của bà Phan Kim T là nguyên đơn thể hiện:

Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Quốc K xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Đến ngày 11/3/2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01/2005. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 10 năm 2022 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà là do ông Khánh không lo làm ăn, nhậu nhẹt thường xuyên về xúc phạm bà, đánh bà, cầm dao dọa giết bà và mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến vợ chồng không còn tiếng nói chung. Do đó, bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà T xác định: Ông, bà có ba người con chung tên Phạm Quốc K, sinh năm 1997; Phạm Quốc C, sinh năm: 1998; Phạm Quốc N, sinh ngày 13/01/2005. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T xác định có nhưng ông, bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Bà T khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

Tại bản tự khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của ông Phạm Quốc K thể hiện:

Về hôn nhân: Ông K xác định về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn như lời bà T trình bày là đúng. Còn nguyên nhân mâu thuẫn thì theo ông vợ chồng chỉ có những mâu thuẫn nhỏ, ông có xúc phạm, cầm dao dọa bà T nhưng tất cả đều do ông quá thương bà T nên mới ghen tuông mù quáng, không làm chủ được bản thân. Mâu thuẫn giữa vợ chồng cha, mẹ hai bên có hòa giải nhưng không thành. Nay bà T xin ly hôn với ông thì ông không đồng ý ly hôn vì ông còn rất thương vợ, ông cũng thấy được lỗi của bản thân mình nhưng cũng vì quá thương vợ mà ông có những hành động và việc làm không đúng làm tổn thương vợ, ông hứa sẽ khắc phục trong thời gian tới nên ông tha thiết xin vợ cho ông cơ hội sửa đổi.

Về con chung: Ông K xác định: Ông, bà có ba người con chung tên Phạm Quốc K, sinh năm 1997; Phạm Quốc C, sinh năm: 1998; Phạm Quốc N, sinh ngày 13/01/2005. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông K xác định có nhưng ông, bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Ông K khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa bà T, ông K là tranh chấp về việc xin ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Phan Kim T và ông Phạm Quốc K xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11/3/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01/2005, có đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống ông, bà có nhiều mâu thuẫn. Xét mâu thuẫn thực tế trong cuộc sống giữa ông, bà là có thật, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ chồng ông, bà thường xuyên mâu thuẫn, không quan tâm, chăm sóc, quý trọng nhau. Tại phiên tòa ông K, bà T thừa nhận quá trình chung sống ông K khi đi nhậu về là xúc phạm, mắng chửi, đe dọa vợ và vợ chồng không nói chuyện được với nhau nên ông, bà đã ly thân mỗi người sống một nơi. Ông K vẫn nhậu về chửi bà T cách nay 02 ngày. Trong khoảng thời

gian này ông, bà không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Ông K cho rằng bản thân anh không nói chuyện được với vợ, còn anh, chị, em ông cũng đứng về phía vợ ông nên ông không thể nhờ ai nói chuyện với chị để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà T cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét chấp nhận cho bà ly hôn thì bà cũng không đoàn tụ, chung sống với ông K được nữa vì tình cảm vợ chồng không còn, bà đã mất niềm tin vào những gì ông K đã hứa với bà. Ông K đã làm bà tổn thương sâu sắc, bà đã cho ông K nhiều cơ hội nhưng ông K không chịu sửa đổi. Ông K không đồng ý ly hôn nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông K không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, ông vì thương bà T mà ghen tuông mù quáng, xúc phạm bà T nhiều lần, ông cũng thấy được lỗi lầm của mình nên sẽ cố gắng khắc phục trong thời gian tới. Hiện ông muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để các con có đủ cha, đủ mẹ còn bà T thì cương quyết không hàn gắn tình cảm với anh K. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng là do hai bên tự nguyện chung sống với nhau, tin tưởng và yêu thương nhau, chăm sóc, quý trọng nhau mới tạo nên gia đình hạnh phúc nhưng quan hệ hôn nhân giữa ông K, bà T thì ông K muốn hàn gắn, bà T cương quyết không đồng ý hàn gắn nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông K là phù hợp.

[3] Về con chung: Ông K, bà T xác định: Ông, bà có ba người con chung tên Phạm Quốc K, sinh năm 1997; Phạm Quốc C, sinh năm: 1998; Phạm Quốc N, sinh ngày 13/01/2005. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông K, bà T xác định có nhưng ông, bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung và người khác nợ lại: Ông K, bà T khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Kim T về việc xin ly hôn ông Phạm Quốc K.

2. Về con chung: Ông, bà có ba người con chung tên Phạm Quốc K, sinh năm 1997; Phạm Quốc C, sinh năm: 1998; Phạm Quốc N, sinh ngày 13/01/2005. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông K, bà T xác định có nhưng ông, bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông K, bà T khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, bà T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 05 tháng 10 năm 2023, bà T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0008367 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà T, ông K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- UBND xã Tắc Vân, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lê Thúy Dung